

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~171~~ /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~28~~ tháng 10 năm 2019

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4347/QĐ-UBND ngày 21/12/2012, Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 07/5/2014, Quyết định số 4133/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4347/QĐ-UBND ngày 21/12/2012; Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 412/GP-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Tiến Độ khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 412/GP-UBND ngày 05/11/2014 của UBND Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Tiến Độ; Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Tiến Độ; Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Tiến Độ;

Căn cứ Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án mở rộng khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung trong Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 18/6/2019;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 20/8/2019 của Công ty TNHH Tiến Độ (kèm hồ sơ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1043/TTr-STNMT ngày 10/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Tiến Độ được khai thác, chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 62.820,5 m²; trong đó, khu vực khai thác là 42.795,5 m², được giới hạn bởi các điểm góc 1, 4, D4, D3, 10, 11, 2 và 12; khu vực khai trường là 20.025 m², được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 12 có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Trữ lượng khoáng sản:
 - + Trữ lượng địa chất: 1.947.027 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 154.451 m³ đá khối để xẻ.
 - + Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 1.142.973 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; trong đó có 90.628 m³ đá khối để xẻ.
- Thân khoáng: Dạng khối.
- Công suất khai thác: 38.900 m³/năm.
- Mức sâu khai thác: Thấp nhất +20 m.
- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.
- Thời hạn khai thác: 29 năm 6 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mở là 01 tháng.
- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 599/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 04/9/2018.

Điều 2. Công ty TNHH Tiến Độ có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Lập hồ sơ thuê đất, nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa theo quy định.
3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát.
5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.
6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 412/GP-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh.

Công ty TNHH Tiến Độ chỉ được phép tiến hành các hoạt động khai thác mỏ tại khu vực trên sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận, bàn giao mỏ tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Công ty TNHH Tiến Độ;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Cao Thịnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG
TẠI XÃ CAO THỊNH, HUYỆN NGỌC LẶC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: ~~171~~ /GP-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Diện tích mỏ	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ 00', múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
Khu vực khai thác S= 42.795,5 m ²	1	2220 230.00	551 675.00
	4	2220 130.00	551 690.00
	D4	2220 063.00	551 749.00
	D3	2220 063.00	551 833.00
	10	2220 044.01	551 888.64
	11	2220 166.14	551 960.01
	2	2220 240.00	551 810.00
	12	2220 298.90	551 645.01
Khu vực khai trường S= 20.025 m ²	1	2220 230.00	551 675.00
	4	2220 130.00	551 690.00
	5	2220 130.00	551 675.00
	6	2220 480.00	551 520.00
	7	2220 540.00	551 723.00
	8	2220 510.00	551 730.00
	9	2220 460.00	551 575.00
	12	2220 298.90	551 645.01
Tổng diện tích mỏ S= 62.820,5 m²			